

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1579 ngày 22 tháng 12 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

Tên chương trình đào tạo: Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng

Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh): Master of Finance - Banking

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Định hướng: Nghiên cứu

Ngành đào tạo: Tài chính – Ngân hàng

Mã ngành: 8.34.02.01

Chuyên ngành đào tạo: Tài chính – Ngân hàng

1. Mục tiêu đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Tài chính – Ngân hàng nhằm cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng làm việc ở trình độ cao trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng; có kiến thức toàn diện và chuyên sâu về tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính; tài chính công; quản trị tài chính của các doanh nghiệp và các định chế tài chính trung gian; có năng lực nghiên cứu độc lập, có khả năng phát hiện, phân tích giải quyết các vấn đề nghiên cứu thuộc lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng; có đủ trình độ tiếng Anh để sử dụng khi nghiên cứu và làm việc trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

- Nắm vững kiến thức về lý luận chính trị, kinh tế xã hội, về phương pháp nghiên cứu khoa học để có thể ứng dụng vào thực tiễn.

- Nắm vững và vận dụng tốt kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng như: Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính; tài chính công; quản trị Ngân hàng thương mại; quản trị tài chính của các doanh nghiệp và các định chế tài chính phi ngân hàng.

- Nắm vững và vận dụng tốt các kiến thức liên ngành có liên quan.

- Nắm vững và vận dụng tốt các kiến thức chung về quản trị và quản lý.

2.2. Kỹ năng

- Kỹ năng tìm hiểu và tổ chức thực thi các chính sách vĩ mô liên quan đến hoạt động tài chính - ngân hàng, chủ động tuân thủ các quy định luật pháp trong lĩnh vực tài

chính - ngân hàng như: các chế độ, các chuẩn mực, chính sách, quy định, luật pháp về tài chính, thuế, bảo hiểm trong hoạt động của doanh nghiệp và các định chế tài chính

- Kỹ năng phân tích, đánh giá chính sách công, hoạch định và tổ chức thực thi các chính sách công.

- Kỹ năng phân tích, lựa chọn và ra quyết định ở cấp độ chiến lược trong quản trị các tổ chức thuộc lĩnh vực tài chính - ngân hàng như: phân tích, đánh giá dự án đầu tư và ra quyết định lựa chọn dự án đầu tư trong bối cảnh môi trường biến động, kiểm soát rủi ro tài chính, lập dự báo và hoạch định tài chính doanh nghiệp,...

- Kỹ năng xây dựng và tổ chức thực hiện các chiến lược, chính sách và kế hoạch cho các tổ chức thuộc lĩnh vực tài chính- ngân hàng;

- Kỹ năng sử dụng công cụ toán học, các phương pháp lượng hoá và thống kê trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng; Biết sử dụng các phương pháp và công cụ nghiên cứu khoa học trong nghiên cứu Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.

- Nắm vững và có khả năng chủ động cập nhật và vận dụng các quy định luật pháp trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng để giải quyết công việc được giao đảm bảo đúng pháp luật.

- Có khả năng sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn, đạt trình độ tiếng Anh tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam trở lên.

2.3. Thái độ

- Có đạo đức và lối sống lành mạnh, trên cơ sở nắm vững và chấp hành đường lối chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước nói chung và pháp luật về tài chính - ngân hàng nói riêng.

- Dám nghĩ, dám làm, dám đương đầu với thử thách, chủ động thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Có lòng yêu nghề, có yêu lao động; có các phẩm chất cá nhân như: tự tin, linh hoạt, nhiệt tình, say mê, sáng tạo, phản biện, tinh thần tự tôn, hiểu biết văn hóa, có ý thức vì cộng đồng và bảo vệ môi trường.

- Có hành vi đạo đức nghề nghiệp tốt, tác phong chuyên nghiệp, cẩn thận; khiêm tốn, giản dị trong sinh hoạt; sống lạc quan, giàu hoài bão, trung thực, thẳng thắn, khách quan và cầu tiến.

- Có ý thức giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, biết giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa của đơn vị nơi mình công tác.

- Luôn có ý thức tự học, tự đào tạo, cập nhật kiến thức mới, ứng dụng sáng tạo những tiến bộ khoa học trong công việc được giao.

3. Điều kiện dự tuyển

Người dự tuyển có bằng tốt nghiệp đại học:

- Thuộc ngành đúng (ngành Tài chính – Ngân hàng) không phải học bổ sung kiến thức.

- Thuộc ngành gần (các ngành đào tạo thuộc nhóm ngành Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm, mã 73402) phải học 2 học phần để bổ sung kiến thức: Quản trị ngân hàng thương mại 1 (3 TC); Quản trị tài chính 1 (3 TC).

- Thuộc các ngành đào tạo khác (thuộc khối ngành kỹ thuật, tự nhiên, xã hội, ngôn ngữ) phải học bổ sung kiến thức 5 học phần: Kinh tế học (3TC); Nhập môn Tài chính – Tiền tệ (3TC); Quản trị NHTM I (3TC); Quản trị tài chính 1 (3TC); Quản trị các tổ chức tài chính phi ngân hàng (3TC).

- Người dự tuyển tốt nghiệp đại học ở nước ngoài / chương trình liên kết quốc tế, Trường sẽ thành lập Hội đồng xét công nhận khối lượng chuyển đổi kết quả học tập và các học phần phải học bổ sung.

4. Phương thức tuyển sinh

Thi tuyển theo đề án tuyển sinh thạc sĩ của Trường Đại học Thương mại.

5. Điều kiện tốt nghiệp

Người học sẽ được công nhận và cấp bằng tốt nghiệp sau khi hoàn thành chương trình đào tạo và đáp ứng các điều kiện theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Thương mại.

6. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ

6.1. Khái quát chương trình

Tổng số tín chỉ tích lũy: 60

Kiến thức chung: 6 TC

Kiến thức ngành: 12 TC, trong đó Bắt buộc: 6 TC; Tự chọn: 6 TC

Kiến thức chuyên ngành: 18 TC, trong đó Bắt buộc: 6 TC; Tự chọn: 12 TC

Nghiên cứu khoa học: 09 TC

Luận văn tốt nghiệp: 15 TC

6.2. Cấu trúc chương trình

STT	KIẾN THỨC / HỌC PHẦN	SỐ TC	CẤU TRÚC
1	KIẾN THỨC CHUNG	6	
1	Triết học	4	42,18
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	20,10
2	KIẾN THỨC NGÀNH	12	
2.1.	Các học phần bắt buộc	6	
1	Kinh tế vĩ mô	2	20,10
2	Quản lý Nhà nước về kinh tế	2	20,10
3	Kinh tế học tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính	2	20,10
2.2	Các học phần tự chọn (chọn 3 trong 6 HP sau)	6	
1	Quản trị tài chính nâng cao	2	20,10
2	Marketing tài chính và ngân hàng nâng cao	2	20,10
3	Kế toán quản trị nâng cao	2	20,10
4	Phân tích định lượng trong quản lý kinh tế	2	20,10
5	Thương mại và đầu tư quốc tế	2	20,10
6	Quản trị chiến lược	2	20,10
3	KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH	18	
3.1	Các học phần bắt buộc	6	
1	Quản trị ngân hàng thương mại nâng cao	2	20,10
2	Dịch vụ ngân hàng hiện đại	2	20,10
3	Quản trị rủi ro tài chính	2	20,10
3.2	Các học phần tự chọn (chọn 6 trong 12 HP sau)	12	
1	Thị trường các công cụ phái sinh	2	20,10
2	Quản lý danh mục đầu tư	2	20,10
3	Công nghệ và đổi mới tài chính	2	20,10
4	Quản trị các tổ chức tài chính phi ngân hàng nâng cao	2	20,10
5	Tài chính công nâng cao	2	20,10
6	Quản trị thị trường chiến lược	2	20,10
7	Quản trị dịch vụ nâng cao	2	20,10
8	Truyền thông và PR của doanh nghiệp	2	20,10
9	Quản trị sự thay đổi	2	20,10
10	Quản trị quan hệ khách hàng	2	20,10
11	Tài chính hành vi	2	20,10
12	Quản lý thuế	2	20,10
4	NGHIÊN CỨU KHOA HỌC	9	
5	LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP	15	
	Tổng cộng	60	

6.3. Mô tả các học phần trong chương trình đào tạo

(Xem trong phụ lục kèm theo)

7. Kế hoạch đào tạo

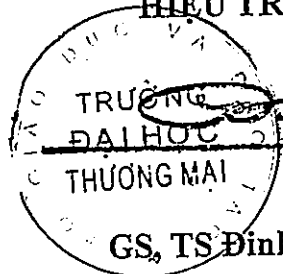
STT	Kỳ học (Số TC)	Khối kiến thức, học phần đào tạo	Giảng viên
1	Kì thứ nhất (6 TC)	- Kiến thức chung: (6 TC)	
		+ Triết học : 4 TC	1. TS. Tạ Thị Vân Hà 2. PGS,TS. Phương Kỳ Sơn 3. TS. Đặng Minh Tiến
		+ Phương pháp NCKH: 2 TC	1. TS Lê Tiến Đạt 2. TS Phạm Thị Minh Uyên
2	Kì thứ hai (16 TC)	- Kiến thức ngành - Bắt buộc: (6 TC)	
		+ Kinh tế vĩ mô: 2 TC	1. PGS,TS. Phạm Thị Tuệ 2. PGS,TS. Phan Thế Công 3. TS. Nguyễn Thị Thu Hiền 4. TS. Trần Việt Thảo 5. TS Lê Mai Trang
		+ Quản lý Nhà nước về kinh tế: 2 TC	1. PGS,TS. Hà Văn Sự 2. TS. Chu Thị Thủy 3. TS. Nguyễn Thị Hương Giang
		+ Kinh tế học tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính: 2 TC	1. PGS,TS. Lê Thị Kim Nhung 2. TS. Vũ Xuân Dũng 3. TS. Nguyễn Thị Minh Hạnh 4. TS. Nguyễn Thanh Huyền
		- Kiến thức ngành - Tự chọn: 6TC (chọn 3 trong 6 HP sau)	
		+ Quản trị tài chính nâng cao: 2 TC	1. TS. Phạm Tuấn Anh 2. TS Nguyễn Thị Minh Thảo
+ Marketing tài chính và ngân hàng nâng cao: 2 TC	1. PGS,TS. Phan Thị Thu Hoài 2. PGS,TS. Nguyễn Tiến Dũng 3. TS Phùng Thị Thủy		

		+ Kế toán quản trị nâng cao: 2TC	1. PGS,TS. Trần Thị Hồng Mai 2. TS. Nguyễn Thành Hưng 3. TS Hoàng Thị Bích Ngọc
		+ Phân tích định lượng trong quản lý kinh tế: 2 TC	1. TS. Phan Thanh Tùng 2. TS. Vũ Thị Thu Hương
		+ Thương mại và đầu tư quốc tế: 2TC	1. PGS,TS. Doãn Kế Bôn 2. TS. Lê Thị Việt Nga 3. TS. Nguyễn Bích Thủy
		+ Quản trị chiến lược: 2 TC	1. TS Đỗ Thị Bình 2. PGS,TS. Nguyễn Hoàng Long 3. PGS,TS. Nguyễn Hoàng Việt 4. PGS,TS. Nguyễn Hoàng 5. PGS,TS. Nguyễn Đức Nhuận 6. TS Nguyễn Thị Mỹ Nguyệt 7. TS Nguyễn Thị Uyên
		- Kiến thức chuyên ngành – Bắt buộc:	
		+ Quản trị ngân hàng thương mại nâng cao: 2 TC	1. PGS,TS. Nguyễn Thị Phương Liên 2. PGS,TS. Nguyễn Thu Thủy 3. GS,TS Đinh Văn Sơn 4. TS. Phùng Việt Hà
		+ Dịch vụ ngân hàng hiện đại: 2 TC	1. PGS,TS. Nguyễn Thị Phương Liên 2. PGS,TS. Nguyễn Thu Thủy 3. TS. Nguyễn Thanh Phương 4. TS Đặng Thị Minh Nguyệt
3	Kì thứ ba (14 TC)	+ Quản trị rủi ro tài chính: 2 TC	1. TS. Phạm Tuấn Anh 2. TS Đỗ Phương Thảo

	- Kiến thức chuyên ngành - Tự chọn: 12 TC (chọn 6 trong 12 HP sau)	
	+ Thị trường các công cụ phái sinh: 2 TC	1. PGS,TS. Nguyễn Thị Phương Liên 2. TS. Phùng Việt Hà
	+ Quản lý danh mục đầu tư: 2 TC	1. GS, TS Đinh Văn Sơn 2. PGS,TS. Nguyễn Thu Thủy 3. TS. Nguyễn Thanh Phương
	+ Công nghệ và đổi mới tài chính: 2 TC	1. TS. Phạm Tuấn Anh 2. TS. Nguyễn Thị Minh Thảo
	+ Quản trị các tổ chức tài chính phi ngân hàng nâng cao: 2 TC	1. TS Nguyễn Thị Minh Thảo 2. TS Đỗ Phương Thảo
	+ Tài chính công nâng cao: 2 TC	1. PGS,TS. Lê Thị Kim Nhung 2. TS. Nguyễn Thị Minh Hạnh 3. TS. Vũ Xuân Thủy
	+ Quản trị thị trường chiến lược: 2 TC	1. PGS,TS. Nguyễn Hoàng Long 2. PGS,TS. Nguyễn Hoàng Việt 3. TS Đỗ Thị Bình 4. TS Nguyễn Thị Mỹ Nguyệt 5. TS Nguyễn Thị Uyên
	+ Quản trị dịch vụ nâng cao: 2 TC	1. PGS,TS. Nguyễn Thị Nguyên Hồng 2. TS. Trần Thị Bích Hằng 3. PGS,TS Bùi Xuân Nhân 4. TS Nguyễn Hóa
	+ Truyền thông và PR của doanh nghiệp: 2 TC	1. PGS,TS. Phan Thị Thu Hoài 2. PGS,TS. Nguyễn Tiến Dũng

		+ Quản trị sự thay đổi: 2 TC	1. PGS,TS. Nguyễn Thị Bích Loan 2. PGS,TS. Bùi Hữu Đức 3. TS. Nguyễn Thị Thanh Nhân 4. GS,TS Phạm Vũ Luận 5. TS. Trần Thị Hoàng Hà 6. TS. Nguyễn Thanh Hải 7. TS Phạm Trung Tiến
		+ Quản trị quan hệ khách hàng: 2 TC	1. PGS,TS. Phan Thị Thu Hoài 2. PGS,TS. Cao Tuấn Khanh 3. PGS,TS. Phạm Thúy Hồng 4. PGS,TS Nguyễn Hoàng Long
		+ Tài chính hành vi: 2 TC	1. TS. Phùng Việt Hà 2. TS. Đặng Thị Minh Nguyệt 3. TS. Vũ Ngọc Diệp
		+ Quản lý thuế: 2 TC	1, PGS,TS. Lê Thị Kim Nhung 2, TS. Vũ Xuân Dũng 3. TS. Nguyễn Thanh Huyền
4	Kì thứ tư (24 TC)	+ Luận văn tốt nghiệp	

HIỆU TRƯỞNG



GS, TS Đinh Văn Sơn

TRƯỞNG KHOA TCNH



PGS,TS Lê Thị Kim Nhung